

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ tiền ăn đối với người có công
với cách mạng đang phụng dưỡng tại Trung tâm Phụng dưỡng
Người có công cách mạng và chính sách hỗ trợ đối với bộ đội phục viên,
xuất ngũ bị bệnh tâm thần tại cộng đồng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG,
KHOÁ IX, NHIỆM KỲ 2016 - 2021, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Xét Tờ trình số 8954/TTr-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc đề nghị quy định chính sách hỗ trợ tiền ăn đối với người có công với cách mạng đang phụng dưỡng tại Trung tâm Phụng dưỡng Người có công cách mạng và chính sách hỗ trợ đối với bộ đội phục viên, xuất ngũ bị bệnh tâm thần tại cộng đồng; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa Xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chính sách hỗ trợ tiền ăn đối với người có công với cách mạng đang phụng dưỡng tại Trung tâm Phụng dưỡng Người có công cách mạng

1. Đối tượng: Người có công với cách mạng và thân nhân (gọi chung là Người có công với cách mạng) đang phụng dưỡng tại Trung tâm Phụng dưỡng Người có công cách mạng thành phố Đà Nẵng.

2. Mức hỗ trợ tiền ăn: 1.500.000 đồng/người/tháng.

Điều 2. Quy định chính sách hỗ trợ đối với bộ đội phục viên, xuất ngũ bị bệnh tâm thần tại cộng đồng

1. Đối tượng: Bộ đội phục viên, xuất ngũ bị bệnh tâm thần tại cộng đồng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng có thời gian tham gia chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam, phía Bắc; hoặc làm nghĩa vụ Quốc tế tại nước bạn Lào, Campuchia; hoặc hoạt động ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật và chưa được hưởng các chính sách trợ cấp hàng tháng sau đây:

- a) Trợ cấp hàng tháng theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;
- b) Trợ cấp hàng tháng đối với quân nhân ở các chiến trường K,C;
- c) Trợ cấp xã hội đối với người khuyết tật theo Luật Người khuyết tật.

Trường hợp bộ đội phục viên, xuất ngũ bị bệnh tâm thần đã được giải quyết trợ cấp xã hội đối với người khuyết tật theo Nghị quyết số 134/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 có mức trợ cấp thấp hơn thì được điều chỉnh sang hưởng mức hỗ trợ theo Nghị quyết này.

2. Các chính sách hỗ trợ:

- a) Mức hỗ trợ hàng tháng: 1.000.000 đồng/người/tháng.
- b) Hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế (trừ những người đang được hưởng chế độ bảo hiểm y tế theo quy định).
- c) Hỗ trợ chi phí mai táng: 20 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội được quy định tại Nghị quyết số 134/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố (trừ những người đang được hưởng chế độ hỗ trợ chi phí mai táng theo quy định).

3. Hồ sơ thủ tục, thời gian và thẩm quyền xét duyệt

a) Hồ sơ:

- Đơn đề nghị của đối tượng hoặc gia đình, người thân, người giám hộ (áp dụng cho đối tượng đơn thân, không đủ năng lực hành vi thực hiện chế độ cho bản thân) có xác nhận UBND cấp xã, phường nơi đối tượng đăng ký hộ khẩu thường trú;

- Giấy xác nhận khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật cấp xã, phường;

- Bản sao quyết định xuất ngũ (nếu có) hoặc xác nhận của Ban Chỉ huy Quân sự quận, huyện về thời gian tham gia quân đội;

- Biên bản của Hội đồng xét duyệt trợ giúp xã hội cấp xã, phường (theo mẫu số 10 Thông tư số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC).

b) Thời hạn giải quyết: 14 ngày làm việc; trong đó:

- Cấp xã, phường: 07 ngày làm việc;
- Cấp quận, huyện: 07 ngày làm việc.

c) Thẩm quyền xét duyệt: UBND cấp xã, phường tiếp nhận hồ sơ, hoàn chỉnh thủ tục theo quy định gửi về UBND quận, huyện xem xét và ra quyết định giải quyết trợ cấp.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp hiện hành.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định pháp luật.


2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng, khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021, kỳ họp thứ 9, thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019./.

Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ;
- Bộ LĐTB&XH, Bộ Tài chính;
- VP Chủ tịch nước;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- BTV Thành ủy, cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy;
- ĐB HĐND thành phố; Đoàn ĐBQH thành phố;
- UBND, UBNDTQVN thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND thành phố;
- Các sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Quận, huyện ủy; HĐND, UBND, UBNDTQVN các quận, huyện, HĐND, UBND các phường, xã;
- Báo ĐN, Báo CATP ĐN, Đài PTTH ĐN, Trung tâm TTVN (VTV8), Cổng TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Nho Trung